

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2022/DS-ST

Ngày: 22- 9- 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Bà Trần Thị Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Bùi Thị Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

2.2 Ông Lê Hoàng Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Bùi Giang N, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các Đơn khởi kiện ngày 02/6 và 20/11/2021, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2022, các Bản tự khai và Biên bản không tiến hành hoà giải được ngày 02/8/2022, N đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Vào ngày 30/7/2019, bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q qua nhà ông để hỏi mượn 100.000.000đồng và xin thế chấp sổ hồng căn nhà số 76/3 ấp Tân Tiến, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để làm tin.

Ngày 01/8/2019, bà T và ông Q đến nhà lập Hợp đồng vay mượn 100.000.000đồng, thoả thuận miệng lãi suất 2%/tháng và giao Giấy chứng nhận số 70137150229 do ông Lê Văn Hưng (đã chết) và bà Hoàng Thị Kim T đứng tên cho ông giữ. Bà T và ông Q đã đóng 4.000.000đồng tiền lãi tháng 9 và 10/2019.

Ngày 03/11/2019, bà T qua trả trước 10.000.000đồng, còn lại là 90.000.000đồng. Bà T và ông Q có đóng 25.200.000đồng (1.800.000đồng x14 tháng) tiền lãi từ tháng 12/2019 đến 01/2021.

Ngày 27/7/2020, ông Q vay thêm 10.000.000đồng có làm Hợp đồng vay mượn, thoả thuận miệng lãi suất là 2%/tháng và đã lãi tháng 8/2020 đến tháng 01/2021 số tiền 1.200.000đồng (200.000đồng x6 tháng).

Ngày 26/01/2021, ông Q vay thêm 26.400.000đồng có làm Hợp đồng vay mượn, thoả thuận miệng với lãi suất 2%/tháng và chưa đóng lãi.

Ngày 03/02/2021, ông Lê Hoàng Q vay thêm 4.000.000đồng thoả thuận lãi suất là 2%/tháng (thoả thuận miệng), số tiền này ông chưa lấy lãi.

Từ tháng 02/2021, bà T và ông Q ngưng đóng lãi cho ông. Ông đã nhiều lần nhắc nhở và thương lượng nhưng không thành, đến ngày 28/4/2021, ông đã gửi giấy thông báo thu hồi nợ tiền gốc và tiền lãi chưa đóng nhưng vẫn không trả nợ.

Vì vậy, ông yêu cầu khởi kiện, buộc bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q hoàn trả số tiền vay mượn gốc 90.000.000đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019; Ông Lê Hoàng Q trả thêm số tiền 14.000.000đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 và 03/2/2021. Ông xin rút lại yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền 26.400.000đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 26/01/2021 và bà Hoàng Thị Kim T, ông Lê Hoàng Q thanh toán tiền 23.000.000đồng tiền lãi (tính từ tháng 02/2021 đến 11/2021) và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

** Theo Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 13/01/2022, bị đơn bà Hoàng Thị Kim T trình bày:*

Bà là mẹ của ông Lê Hoàng Quỳnh, vay của ông P 90 triệu từ năm 2017 đến nay nhưng mà hàng tháng con bà vẫn trả lời, bây giờ con bà đưa sổ hồng cho ông P còn đang giữ. Mấy tháng covid, ông Q không có trả lãi do hoàn cảnh khó khăn không có việc làm, bị tai nạn gãy chân và mất luôn chiếc xe, đang làm phụ hồ để sống qua ngày, qua covid sẽ đi làm trả nợ. Hiện nay do bà bị bệnh tim phải đi nằm bệnh viện theo dõi nên xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải, phiên họp công khai chứng cứ và xét xử.

** Theo Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 21/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Giang N trình bày:*

Tôi được biết ông Nguyễn Văn P kiện ông Lê Hoàng Q về việc vay tiền. Việc ông Lê Hoàng Q vay tiền tôi không được biết và không sử dụng vào nhu cầu gia đình, khi tôi chưa ly hôn việc ông Q vay tiền là phục vụ nhu cầu riêng, quyết định công nhận thoả thuận khi ly hôn ông bà đều không có nợ chung nào. Vì vậy, khoản tiền ông Q vay không liên quan đến bà; Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hoà giải và phiên toà xét xử các cấp.

** Theo Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 17/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:*

Bà được biết ông Nguyễn Văn P có cho bà T và ông Q vay số tiền 130 triệu đồng, số tiền này là tiền riêng của ông P, tôi không liên quan đến số tiền này và không có yêu cầu gì; Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hoà giải và phiên toà xét xử.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải không thành và mở phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa: Các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- N đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước đây ông có nhận tiền lãi 2%/tháng theo thoả thuận miệng của Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 là 29.200.000đồng, của Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 là 1.200.000đồng. Ông yêu cầu bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q liên đới hoàn trả số tiền vay mượn theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 sau khi đã trừ số tiền lãi vượt quá theo quy định và ông Lê Hoàng Quỳnh trả số tiền vay mượn theo Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 sau khi đã trừ số tiền lãi vượt quá theo quy định và 4.000.000 đồng vay ngày 03/2/2021. Ông xin rút lại yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền 26.400.000đồng theo Hợp

đồng vay mượn ngày 26/01/2021 để tự giải quyết và bà Hoàng Thị Kim T, ông Lê Hoàng Q thanh toán tiền lãi tính từ tháng 02/2021 đến thời điểm xét xử (tạm tính đến 11/2021 là 23.000.000đồng).

- Bị đơn bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Bùi Giang N vắng mặt;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với khởi kiện ông Nguyễn Văn P yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền 26.400.000đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 26/01/2021 và yêu cầu bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q thanh toán tiền lãi 23.000.000đồng (tính từ tháng 02/2021 đến 11/2021) và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

Việc ông P và bà T, ông Q thoả thuận lãi suất 2%/tháng tức là 24%/ năm là cao hơn theo quy định thoả thuận lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất thoả thuận miệng là 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng và phần tiền lãi vượt quá trừ vào số tiền gốc. Yêu cầu bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q liên đới hoàn trả số tiền vay mượn gốc 84.877.968đồng, ông Lê Hoàng Q hoàn trả số tiền 13.796.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Lê Văn Hưng và bà Hoàng Thị Kim T cho bà Hoàng Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P khởi kiện bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q, cư trú tại địa chỉ xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu hoàn trả số tiền vay mượn gốc 90.000.000(Chín mươi triệu) đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019; Ông Lê Hoàng Q trả thêm số tiền 14.000.000(Mười bốn triệu)đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 và 03/2/2021.

[1.2] Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp vụ án là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* và Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn bà Hoàng Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1, bà Bùi Giang N có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Hoàng Q đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tổng đạt hợp lệ được nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ.

Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[3] Về nội dung yêu cầu:

[3.1] Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P rút yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền 26.400.000đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 26/01/2021; bà Hoàng Thị Kim T, ông Lê Hoàng Q thanh toán tiền lãi 23.000.000đồng (tính từ tháng 02/2021 đến 11/2021) và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử. Việc rút yêu cầu là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Nguyễn Văn P.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện, buộc bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q hoàn trả số tiền vay theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 sau khi đã trừ phần tiền lãi vượt quá theo quy định:

Theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019, ông Nguyễn Văn P cho bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q vay số tiền 100.000.000đồng trong thời hạn 01 năm và phía sau ông Lê Hoàng Q đã ký có nội dung: *“Hôm nay ngày 01/8/2019, tôi và mẹ là Hoàng Thị Kim T có mượn của A. P số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu) có thể chấp sổ nhà số 70137150229”* và bà Hoàng Thị Kim T cũng đã ký có nội dung: *“ Tôi đồng ý cho con tôi vay số tiền trên”*. Tại Bản tự khai ngày 13/01/2022, bà Hoàng Thị Kim T cũng thừa nhận có

mượn 90.000.000đồng. Như vậy, tại thời điểm xác lập giao dịch các chủ thể có đầy đủ năng lực, hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên kể từ khi xác lập.

Xét đến tại thời điểm khởi kiện, là đã quá thời hạn thanh toán nợ gốc của 90.000.000(Chín mươi triệu) đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 nhưng bà T và ông Q vẫn chưa hoàn trả số tiền này là vi phạm nghĩa vụ trả tiền và bà T, ông Q phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Văn P có trình bày là Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 có thoả thuận lãi suất miệng là 2%/tháng và ông đã nhận 4.000.000đồng tiền lãi tháng 9 và 10/2019 và 25.200.000đồng (1.800.000đồng x14 tháng) tiền lãi từ tháng 12/2019 đến 01/2021, tổng cộng là 29.200.000đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ trình bày của ông P cũng như bà T tại Bản tự khai có trả lãi và các bên không có tranh chấp về lãi suất, nên xác định ông P và bà T, ông Q đều có thoả thuận miệng lãi suất vay 2%/tháng.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì “*Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”;

Và theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm tại Điều 9 quy định về xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định như sau: “*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay*”.

Như vậy, việc ông P và bà T, ông Q thoả thuận lãi suất 2%/tháng tức là 24%/ năm là cao hơn theo quy định thoả thuận lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ

luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất thoả thuận miệng là 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng và phần tiền lãi vượt quá trừ vào số tiền gốc. Cụ thể:

Tiền lãi từ tháng 9/2019: $100.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 1\text{ tháng} = 1.660.000\text{đồng}$, tiền lãi thừa: $2.000.000\text{đồng} - 1.660.000\text{đồng} = 340.000\text{đồng}$, gốc còn: $100.000.000\text{đồng} - 340.000\text{đồng} = 99.660.000\text{đồng}$

Tiền lãi tháng 10/2019: $99.660.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 1\text{ tháng} = 1.660.000\text{đồng}$, tiền lãi thừa: $2.000.000\text{đồng} - 1.660.000\text{đồng} = 340.000\text{đồng}$, gốc còn: $99.660.000\text{đồng} - 340.000\text{đồng} = 99.320.000\text{đồng}$

Đồng thời, theo mặt sau của Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019, bà T đã ghi: Ngày 03/11/2019, cô T trả 10.000.000 (Mười triệu đồng) còn lại 90.000.000đồng. Ông Nguyễn Văn P cũng thừa nhận việc bà T đã trả khoản tiền 10.000.000đồng nên Hội đồng xét xử công nhận. Như vậy số tiền gốc còn lại của Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019 là 89.320.000đồng ($99.320.000\text{đồng} - 10.000.000\text{đồng}$)

Tiền lãi của số tiền vay 89.320.000đồng tháng 11/2019 đến 01/2021: $89.320.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 14\text{ tháng} = 20.757.968\text{đồng}$, tiền lãi thừa: $25.200.000\text{đồng} - 20.757.968\text{đồng} = 4.442.032\text{đồng}$. Gốc còn lại 84.877.968đồng ($89.320.000\text{đồng} - 4.442.032\text{đồng}$).

Do đó, bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ 84.877.968 (Tám mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

[3.3] Đối với yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền sau khi trừ tiền lãi vượt quá của theo quy định của Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 và 03/2/2021:

Tại Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020, thể hiện ông Nguyễn Văn P cho ông Lê Hoàng Q vay số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và tại phần cuối của hợp đồng ông Lê Hoàng Q xác nhận “Ngày 03/02/2021. Tôi có mượn thêm 4.000.000đồng. Tổng 14.000.000đồng”. Như vậy, giữa ông Nguyễn Văn P và ông Lê Hoàng Q đã xác nhận giao dịch và ông Q đến nay vẫn chưa hoàn trả số tiền này là vi phạm nghĩa vụ trả tiền và ông Q phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của ông P có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, ông P đã nhận 1.200.000đồng (200.000đồng x 6 tháng) tiền lãi tháng 8/2020 đến tháng 01/2021 với lãi suất thoả thuận 2%/tháng của số tiền vay 10.000.000đồng là có vi phạm về quy định lãi suất thoả thuận tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự như đã nhận định ở trên và Hội đồng xét xử điều chỉnh lại lãi

suất là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng, và phần tiền lãi vượt quá trừ vào số tiền gốc. Cụ thể: Tiền lãi tháng 8/2020 đến tháng 01/2021 của số tiền vay 10.000.000đồng: $10.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 6\text{ tháng} = 996.000\text{đồng}$, tiền lãi dư $1.200.000\text{đồng} - 996.000\text{đồng} = 204.000\text{đồng}$, gốc còn 9.796.000đồng.

[3.4] Ngoài ra, 03/2/2021, ông Lê Hoàng Q còn vay thêm 4.000.000đồng và chưa lấy lãi. Do đó, ông Lê Hoàng Q phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 13.796.000đồng (9.796.000đồng+4.000.000đồng).

[3.5] Từ những nhận định nêu trên, đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3.6] Đối với việc giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Lê Văn Hưng và bà Hoàng Thị Kim T:

Ông Nguyễn Văn P thừa nhận đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Lê Văn Hưng và bà Hoàng Thị Kim T là phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị Kim T.

Xét, khi vay bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q thế chấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Lê Văn Hưng và bà Hoàng Thị Kim T cho ông Nguyễn Văn P, hai bên chỉ ký hợp đồng vay tiền, không có công chứng, không đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn P phải giao trả lại cho Hoàng Thị Kim T là phù hợp.

[4] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn P có mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị Kim T, ông Lê Hoàng Q, bà Nguyễn Thị Thu T1 và bà Bùi Giang N vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 77, 147, 161, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Văn P:

- Buộc bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q liên đới hoàn trả số tiền vay mượn gốc 84.877.968 (Tám mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) theo Hợp đồng vay mượn ngày 01/8/2019.

- Buộc ông Lê Hoàng Q hoàn trả số tiền 13.796.000 (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 27/7/2020 và 03/2/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Buộc ông Nguyễn Văn P trả lại cho bà Hoàng Thị Kim T bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/7/2001 cho ông Lê Văn Hưng và bà Hoàng Thị Kim T.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả số tiền 26.400.000 đồng theo Hợp đồng vay mượn ngày 26/01/2021 và yêu cầu bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q thanh toán tiền lãi 23.000.000 đồng (tính từ tháng 02/2021 đến 11/2021) và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị Kim T và ông Lê Hoàng Q phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.243.898(Bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng.

- Ông Lê Hoàng Q phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm là 689.800(Sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 3.825.000(Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn)đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0038348 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị Kim T, ông Lê Hoàng Q, bà Nguyễn Thị Thu T1 và bà Bùi Giang N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Lưu:VT, HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lệ Hà